

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 11/2024/QĐST-DS

Lâm Hà, ngày 27 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 328, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 182/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung các thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Công P**, sinh năm: 1953

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Chu Quang L**, sinh năm: 1999 và anh **Hoàng Văn C**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 706 H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 03-7-2023).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị N**, sinh năm: 1973; ông **Lê Văn T**, sinh năm: 1968. Địa chỉ: Thôn (8) P, xã P, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Thôn 5, xã G, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Anh **Phạm Văn Bảo T**, sinh năm: 1993. Địa chỉ: Số 706 H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. (anh T ủy quyền cho bà Phạm Thị H theo văn bản ủy quyền lập ngày 20-10-2023).

- *Người làm chứng*: Ông **Trịnh Văn H**, sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn (8) P, xã P, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Phạm Công P và bà Phạm Thị N, ông Lê Văn T cùng thống nhất hủy giấy chuyển nhượng QSD đất khai hoang (viết tay) lập ngày 18-3-2022 giữa bà Phạm Thị N với ông Phạm Công P, bà Phạm Thị H; Hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng QSD đất lập ngày 04-3-2022 giữa bà Phạm Thị N, ông Lê Văn T với ông Phạm Công P.

Bà Phạm Thị N, ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Công P số tiền đã nhận là 600.000.000 đồng (*sáu trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Về Chi Phí tố tụng: Ông Phạm Công P nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng (đã được quyết toán xong).

2.3. Về án phí: Bà Phạm Thị N, ông Lê Văn T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự về việc hủy giấy chuyển nhượng QSD đất khai hoang (viết tay) lập ngày 18-3-2022 là 150.000 đồng; Hủy hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng QSD đất lập ngày 04-3-2022 là 150.000 đồng và số tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng số tiền bà Phạm Thị N, ông Lê Văn T phải trả là 14.000.000 đồng; tổng cộng là 14.300.000 đồng.

Ông Phạm Công P là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án đã miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Công P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều

7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Văn Bình